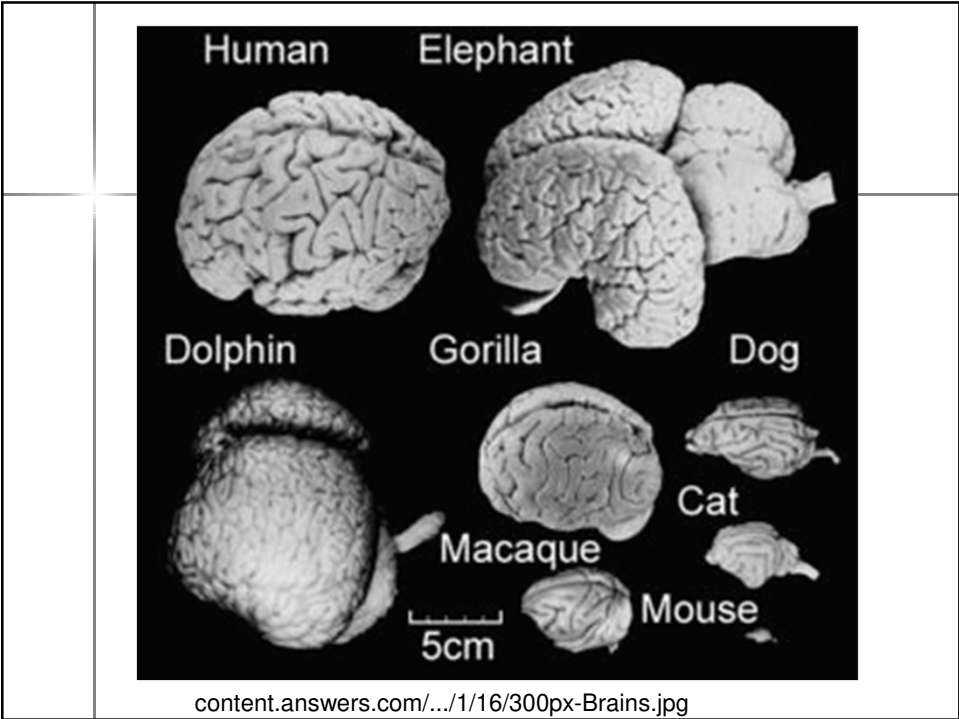


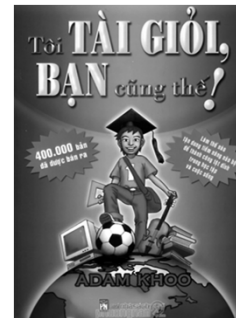
	<h1 style="text-align: center;">THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH</h1> <p style="text-align: center;"><i>PGS.TS. Võ Thị Trà An</i> <i>BM Khoa học sinh học thú y</i> <i>Khoa CNTY, ĐH Nông Lâm TP.HCM</i></p>



## The Memory Man

- Dominic O'brien
- Andi Bell

“Tôi tài giỏi và bạn cũng thế”  
Adam Khoo



### 1. THUỐC ỨC CHẾ HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG

1.1. Thuốc mê

1.2. Thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc chống co giật

1.3. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

### 2. THUỐC KÍCH THÍCH HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG

### 3. THUỐC TÁC ĐỘNG TRÊN DÂY THẦN KINH NGOẠI BIÊN

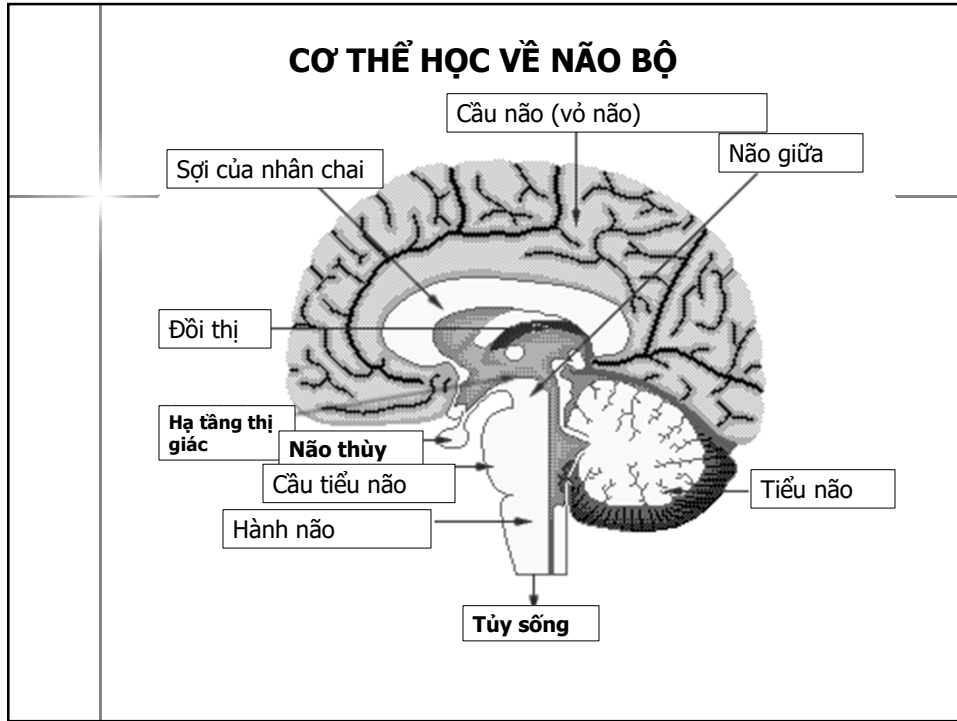
### 4. THUỐC TÁC DỤNG LÊN HỆ THẦN KINH TỰ TRỊ

4.1. Thuốc kích thích dây thần kinh giao cảm

4.2. Thuốc liệt giao cảm

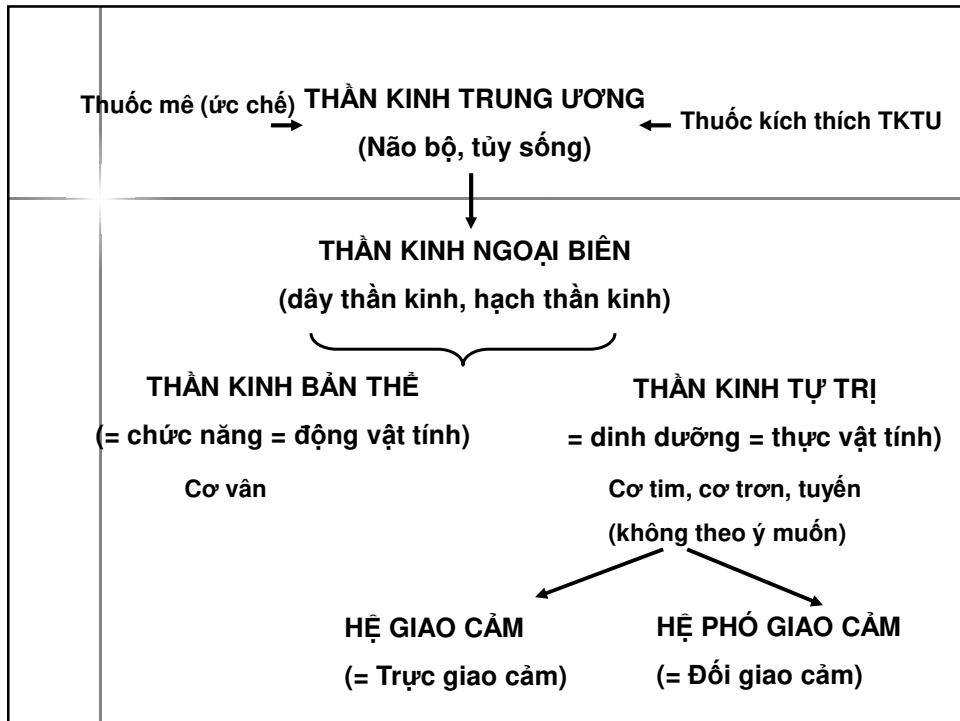
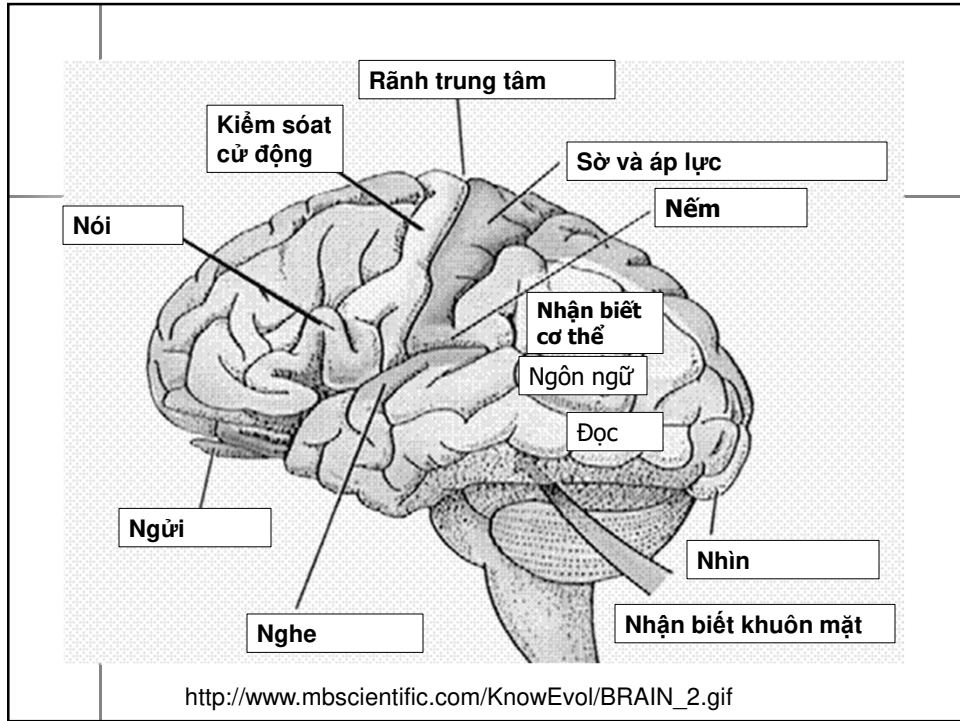
4.4. Thuốc kích thích phó giao cảm

4.5. Thuốc liệt phó giao cảm



**Câu hỏi: Vai trò sinh lý của hệ thần kinh trung ương.**

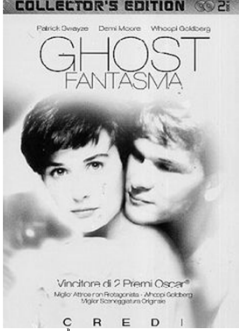

	<p><b>CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG THẦN KINH</b></p> <p><b>TỦY SỐNG</b>                      * Trung ương của các phản xạ cơ cơ</p> <p>   * Dẫn truyền cảm giác</p>
	<p><b>HÀNH TỦY</b>                      * Trung khu các phản xạ có tính sinh mệnh</p> <p><b>VỎ NÃO</b>                        * Vận động</p> <p>   * Giác quan</p>
	<p><b>NÃO GIỮA</b></p> <p>- Củ não sinh tư                * Trạm của các đường thính giác, thị giác</p> <p>- Hạt đỏ, tiền đình            * Điều hòa trương lực cơ, tư thế</p> <p>- Chất đen                        * Phản xạ cử động tinh vi</p>
	<p><b>TIỂU NÃO</b>                        * Điều hòa trương lực cơ</p>
	<p><b>NÃO TRUNG GIAN</b></p> <p>-Đôi thị                            * Trạm trung gian của các xung cảm giác</p> <p>- Vùng dưới đôi                * Điều hòa hoạt động cơ năng, dinh dưỡng</p>



	<p><b>1. THUỐC ỨC CHẾ HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG</b></p> <p>1.1. Thuốc mê</p> <p>1.2. Thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc chống co giật</p>
	<p>1.3. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm</p> <p><b>2. THUỐC KÍCH THÍCH HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG</b></p> <p><b>3. THUỐC TÁC ĐỘNG TRÊN DÂY THẦN KINH NGOẠI BIÊN</b></p> <p><b>4. THUỐC TÁC DỤNG LÊN HỆ THẦN KINH TỰ TRỊ</b></p> <p>4.1. Thuốc kích thích dây thần kinh giao cảm</p> <p>4.2. Thuốc liệt giao cảm</p> <p>4.4. Thuốc kích thích phó giao cảm</p> <p>4.5. Thuốc liệt phó giao cảm</p>

	<p><b>Câu hỏi</b></p>
	<p>Phương pháp vô cảm (anesthesia) là gì?</p>

Đọc thêm	<div data-bbox="607 296 992 386" style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>uống rượu say, dùng lá hasit, đánh mạnh vào đầu hoặc bóp cổ cho nghẹt mạch máu để làm mê man...</p> </div>
	<div data-bbox="638 432 937 527" style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p><b>Ether</b> (W.T. G. Morton)</p> </div> <div data-bbox="638 541 930 606" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p>Cloroform, nitrous oxide, cyclopropane</p> </div> <div data-bbox="660 627 883 663" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0; text-align: center;"> <p>Thiopental (Lundy)</p> </div> <div data-bbox="573 716 1050 781" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p>Etomidate, isoflurane, Ketamine (Corssen &amp; Domino,1966), propofol (Key,1977)...</p> </div>

Câu hỏi?	<h2 style="margin: 0;">Khí gây cười là gì?</h2>
	<p>Demi Moore nhập viện hôm 23/1 sau khi được phát hiện nằm trên sàn trong trạng thái gần như bất tỉnh tại nhà riêng ở Los Angeles, Mỹ. Bạn bè của Demi Moore cho biết, cô đã sử dụng khí Nitơ Oxit. Loại khí này thường dùng để gây tê trong điều trị nha khoa. Nitơ Oxit còn được gọi là khí cười. Nếu sử dụng một lượng vừa phải, khí này khiến người ta thoải mái, phấn khích, quên đi phiền muộn và có thể vui cười.</p>

## N<sub>2</sub>O (nitrous oxide - oxit nitơ)

- Beddoes đầu tiên chế tạo thiết bị thở NO<sub>2</sub> vào năm 1794
- Năm 1799 giới quý tộc ở Anh quốc sử dụng tính chất này của NO<sub>2</sub> cho mục đích giải trí - vui chơi (laughing gas)
- Nha sĩ Well không thành công ở lần biểu diễn đầu (bệnh nhân bị giật mình nên la lên), ông phải bỏ nghề và cuối đời kết thúc bi thảm

Đọc thêm (Thuốc và sức khỏe, số 487, 1.11.2013)

## Hít khí cười, rước họa vào thân

- Trong thời gian gần đây, tại các vũ trường, quán bar, một tiêu khiển của một số người là hít khí cười
- Quả bóng bay bơm khí N<sub>2</sub>O được người chơi ngậm miệng, hít khí, thổi vào, hít khí, thổi vào, hít khí...

Cô gái bị liệt thần kinh do hít 360 'bóng cười' trong một tuần

Nữ sinh viên ở Australia sẽ không bao giờ đi lại được nữa sau khi hít 360 quả "bóng cười" trong một tuần.

- Cảm giác hưng thần nguy hiểm khi hít khí cười

Cô gái 20 tuổi được chẩn đoán bị hỏng hệ thần kinh tủy sống không bao giờ có thể hồi phục. Cô đang tập phục hồi chức năng bằng cách học đi bộ, song tình trạng không khả quan.

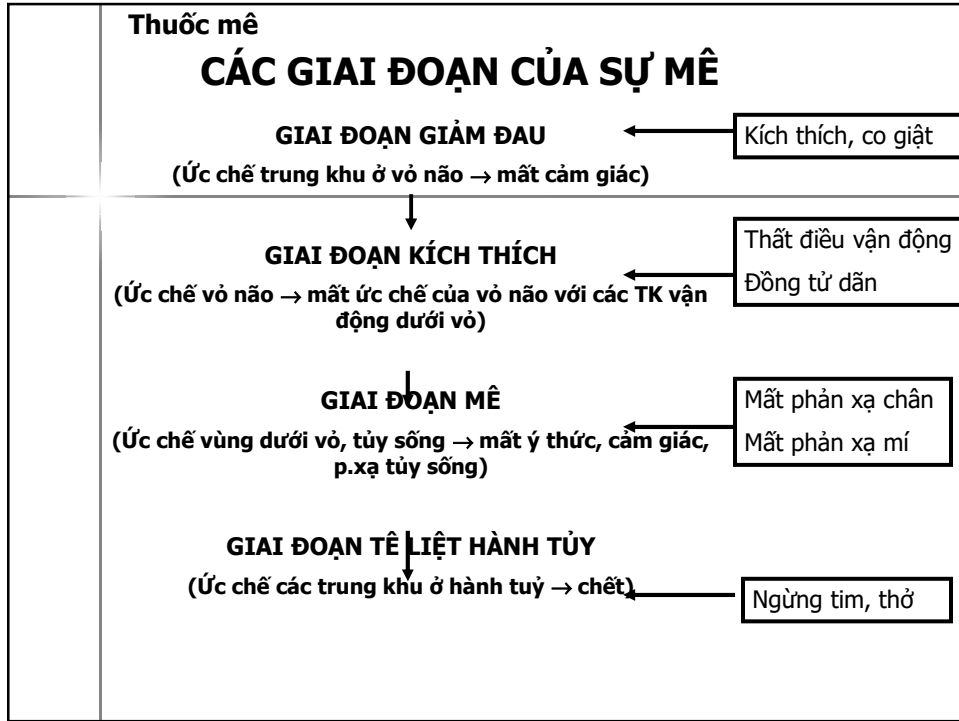
Câu chuyện của nữ sinh viên này vừa được đề cập trong chương trình *Chào buổi sáng* của đài ABC News nhằm cảnh tỉnh mọi người, chủ yếu là lứa tuổi thanh niên. Nhà tâm lý học Andrew Dawson cho biết: "Nữ bệnh nhân 20 tuổi có bộ não bị tàn phá như một người nghiện rượu 40 năm". Cô đã hít "bóng cười" suốt một tuần với khoảng 360 quả, trước khi lâm vào bi kịch cuộc đời mình.





	<p><b><u>Câu hỏi:</u> Khi nào cần sử dụng thuốc mê cho thú? Các đường cấp thuốc mê.</b></p>

	<p style="text-align: center;"><b>THUỐC MÊ</b></p>
	<p><b>Định nghĩa: Thuốc mê → hệ thần kinh trung ương → trạng thái ngủ, mất ý thức và cảm giác, giãn cơ vân, nhưng không làm xáo trộn các hoạt động của hệ tuần hoàn và hô hấp.</b></p> <p><b>Các trường hợp dùng thuốc mê</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phẫu thuật, cầm cột</li> <li>- Chống co giật</li> <li>- Gây ngủ, giảm đau</li> <li>- Gây chết êm ái</li> </ul>



## Uống rượu lái xe

Thứ sáu, 10/5/2019, 07:38 (GMT+7) | 38 |

Có một thời gian tôi sống tại thành phố Dublin, Cộng hòa Ireland. Nơi đây nổi tiếng thế giới với "đặc sản" là quán nhậu. Irish Pub hiện diện khắp mọi con phố và luôn đông nghịt khách vào ngày cuối tuần.

Họ phân loại người say vào cuối ngày bằng một vạch sơn trắng dài trước quán. Ấm khách bước ra khỏi quán sẽ được yêu cầu đi bộ trên vạch sơn đó. Nếu anh bước không chệch ra ngoài là vẫn còn đủ tỉnh táo. Hoặc ngược lại, anh sẽ bị ép đi taxi về.

Hoàng Minh Trí

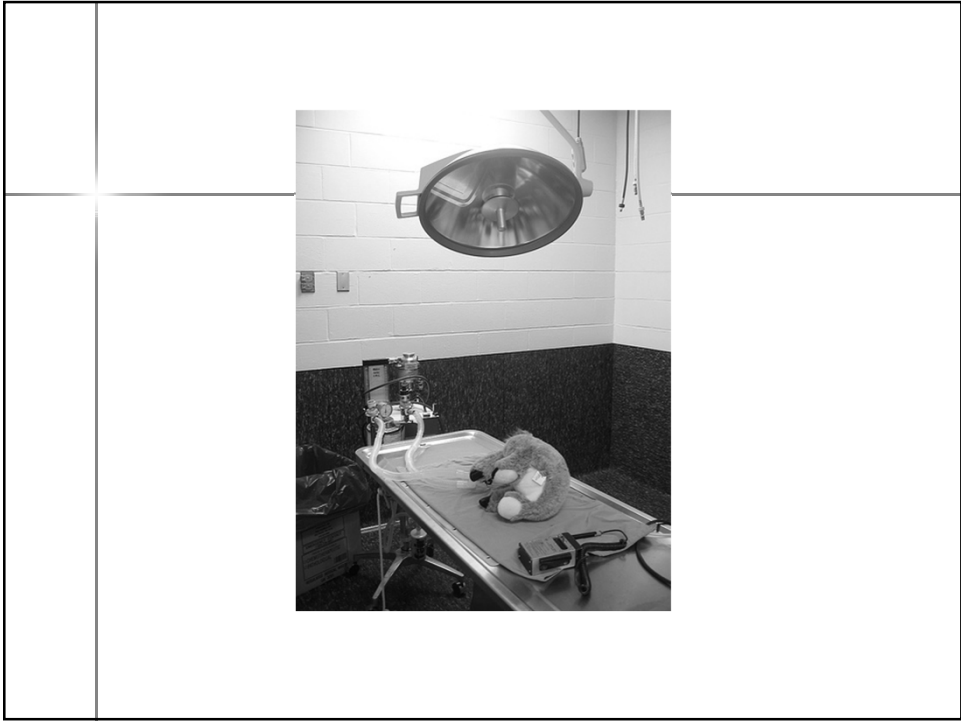
<b>Thuốc mê</b> <b>DẤU HIỆU VÀ PHẢN ỨNG TƯƠNG ỨNG TRONG CÁC GIAI ĐOẠN Mê</b>						
	HÔ HẤP	CỬ ĐỘNG MẮT	KÍCH THƯỚC ĐỒNG TỬ	PHẢN ỨNG MẮT	TRƯỜNG LỰC CƠ	ĐÁP ỨNG HÔ HẤP VỚI KT
<b>GĐ 1</b> <b>AN THẦN</b>		kiểm soát tự động		bình thường		
<b>GĐ 2</b> <b>HƯNG PHẢN</b>				mí	căng	
<b>GĐ 3</b> <b>MÊ GIẢI PHẪU</b>		không còn		giác mạc		
				ánh sáng vào đồng tử		không đáp ứng với kích thích ở da
				Khờ		
<b>GĐ 4</b> <b>SẤP CHẾT</b>	ngưng				mềm nhũn	

(Guedel)

<b>Câu hỏi: Những tai biến có thể xảy ra trong khi gây mê? Cách đề phòng?</b>	

Tai biến	Điều trị
Sự kích động, điên cuồng	Acepromazine, Diazepam, Midazolam
Thở quá chậm Co thắt thanh quản	Oxygen Xịt Lidocaine
Khó thở	Oxygen, Phẫu thuật mở khí quản
Tim đập nhanh	Lactate Ringer, Propranolol
Tim đập chậm	Atropine, Glycopyrrolate
Ngừng tim do tâm thất	Lidocaine, Procainamide
Giảm huyết áp	Lactate Ringer, Dopamine, Dobutamine
Mất máu hoặc dịch	Lactate Ringer, Truyền máu
Giảm thân nhiệt	Ủ ấm
Giảm glucose huyết	Dextrose 5%
Hồi phục kéo dài	Doxapram, Yohimbine
Đau đớn sau mổ	Morphine sulfate, Buprenorphine, Butorphenol

<b>Thuốc mê</b>			
<b>TAI BIẾN TRONG QUÁ TRÌNH Mê VÀ CÁCH ĐỀ PHÒNG</b>			
Tai biến	Hậu quả	Đề phòng	
Chảy nước bọt, nôn mửa	Vào khí quản, tắc thở, viêm phổi	- Nhịn đói 1 ngày - Atropin, SC	
Ngừng tim, hô hấp do phản xạ	Tử vong	- Cung thuốc từ từ - Hô hấp nhân tạo	
Ngừng tim trực tiếp	Tử vong (thuốc mê bay hơi)	- Cung thuốc từ từ - Adrenalin, SC	
Hạ thân nhiệt, shock	Tử vong	- Phẫu thuật nơi kín gió, làm ấm	



Đọc thêm

## Tại sao Michael Jackson chết?

On June 25, 2009, American singer Michael Jackson died at age 50 of propofol intoxication after he suffered a respiratory arrest at his home in Los Angeles.

Before his death, Jackson reportedly had been administered propofol, along with two anti-anxiety benzodiazepines: lorazepam and midazolam.

### Thuốc mê

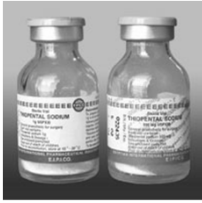
#### ĐẶC ĐIỂM CỦA MỘT SỐ THUỐC ỨC CHẾ THẦN KINH

Thuốc	An thần	Giảm đau	Mê	Dẫn cơ
acepromazine	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
xylazine	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
diazepam	<input type="radio"/>			
tiletamine/zolazepam	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
fentanyl		<input type="radio"/>		
thiopental			<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
pentobarbital			<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
propofol	<input type="radio"/>		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
ketamine	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
halothane		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
isoflurane		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Có       Tùy trường hợp       Tùy liều lượng


	<p>Thuốc mê</p> <p><b>BARBITURATES</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <b>Chất chuyển hoá của acid barbituric</b></li> <li>▪ <b>Gồm nhiều loại có tác dụng gây mê dài hoặc ngắn.</b></li> </ul> <p>Phenobarbital sodium dài  Barbital sodium dài  Amobarbital sodium trung bình  Pentobarbital sodium ngắn  Secobarbital sodium ngắn  Thiopental sodium rất ngắn  Thiamalyl sodium rất ngắn  Thialbarbitone sodium rất ngắn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <b>Độc tính của barbiturates:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trụy hô hấp (khi tiêm quá nhanh, quá liều)</b></li> <li>- <b>Ư huyết não, màng não.</b></li> <li>- <b>Suy gan trên các thú bị bệnh gan</b></li> <li>- <b>Khoảng an toàn hẹp (không dùng cho thú sơ sinh)</b></li> </ul> </li> </ul>
--	---


	<p>Thuốc mê</p> <p><b>Thiopental sodium</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Chất bột màu trắng, có tính acid yếu, bền ở dạng khô</b></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nên hòa tan trong nước cất (1g/ 1,5ml) hoặc sinh lý NaCl, nồng độ &lt; 2%, dd bền trong 7 ngày ở 4°C</b></li> <li>• <b>Tan tốt trong lipid, phân bố vào hệ thần kinh, gây ngủ và mê sâu rất nhanh (1phút) nhưng cực ngắn</b></li> <li>• <b>Sau khi phân bố vào hệ thần kinh, mô cơ, mỡ → chuyển hóa nhờ microsomes ở gan → thải ra nước tiểu</b></li> <li>• <b>Qua được nhau thai → cẩn thận với thú có thai</b></li> <li>• <b>Có thể gây xáo trộn về tim mạch và hô hấp ở chó mèo</b></li> <li>• <b>Khi quá liều, cần sử dụng phương pháp hỗ trợ hô hấp (O<sub>2</sub>), trợ tim</b></li> </ul>

	<p>Thuốc mê tiêm tĩnh mạch</p> <p><b>Thiopental sodium (tt)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không dùng chung với epineprine, phenothiazine, antihistamin, furosemide</li> <li>• Chó: 15-17 mg/kg IV gây mê ngắn (7-10 phút); 18-22 mg/kg IV (10-15 phút); 22-29 mg/kg IV (15-25 phút)</li> <li>• Mèo: 22 mg/kg IV hoặc 15 mg/kg IV sau khi dùng thuốc an thần</li> <li>• Heo: 10-11 mg/kg IV</li> <li>• Bê: 8-15 mg/kg IV</li> </ul> 
--	--

	<p>Thuốc mê bay hơi <b>Halothane</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Thuốc mê bay hơi, an toàn, kiểm soát được, rẻ tiền</li> <li>■ Chất lỏng không màu, tan ít trong nước, mùi chloroform, làm tan chảy nhựa</li> <li>■ Bảo quản trong chai thủy tinh, màu tối, &lt;math&gt;40^{\circ}\text{C}&lt;/math&gt;</li> <li>■ Cơ chế gây mê chưa rõ, có thể halothane làm xáo trộn chức năng tế bào thần kinh tại lớp lipid màng</li> <li>■ Hấp thu tại phổi; vào được sữa; phần lớn thải qua phổi, phần nhỏ chuyển hóa tại gan (trifluoacetic acid, chlorine, bromine radicals) và thải trong nước tiểu</li> </ul>
--	---



	<p><b>Thuốc mê</b></p> <h1 style="text-align: center;">Halothane</h1> 
	<ul style="list-style-type: none"><li>■ <b>Xáo trộn: tăng huyết áp, tim, sốt, vàng da</b></li><li>■ <b>Không dùng chung/ thận trọng với</b><ul style="list-style-type: none"><li>- acetaminophen</li><li>- dopamine, epinephrine, norepinephrine</li><li>- aminoglycoside, lincomycin</li></ul></li><li>■ <b>Liều dùng</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Chó mèo: 3% (dẫn mê); 1,5% (duy trì)</li><li>- Ngựa: 4 - 5% (dẫn mê); 2.5 - 3% (duy trì)</li></ul></li></ul>

	<h2 style="text-align: center;">Mặt nạ gây mê</h2>
	

### Thuốc mê

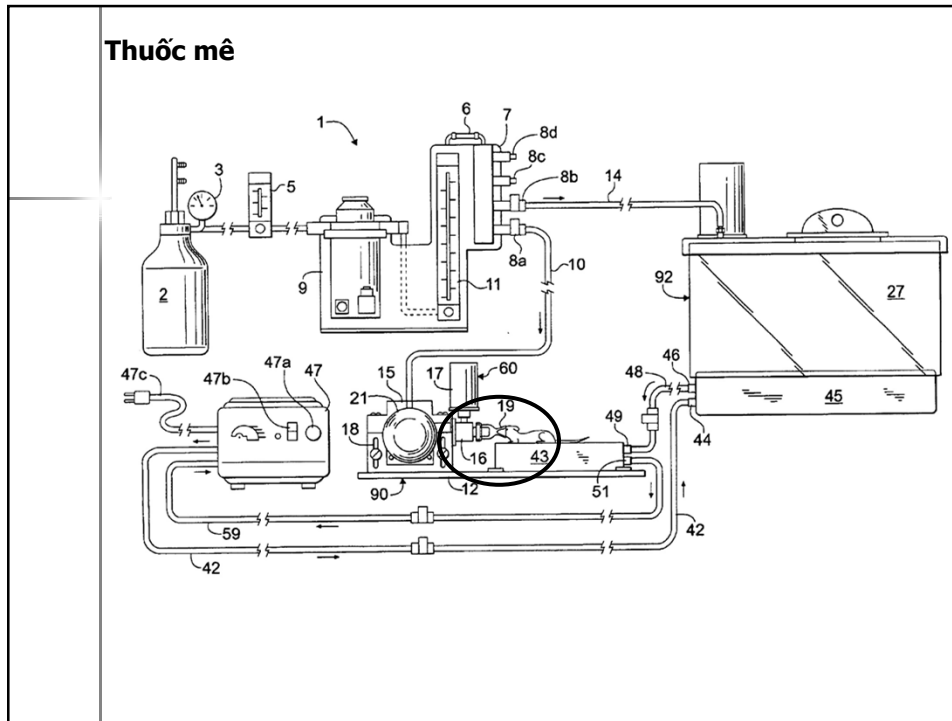


[www.braintreesci.com/EZ-SYSTEM.htm](http://www.braintreesci.com/EZ-SYSTEM.htm)

### Thuốc mê



The Drager AVE ventilator is an electronically-controlled, time-cycled, pneumatically-driven anesthesia ventilator capable of delivering from one half (1/2) liter to 15 liters of tidal volume at 1-to-99 breaths per minute, and I to E ratios from 1-to-2 up to optional 1-to-8. The tidal volume can be adjusted via a rocker switch that electro-mechanically adjusts the tidal volume setting.



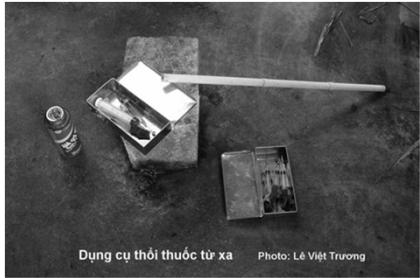
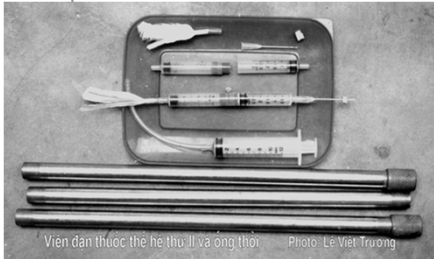
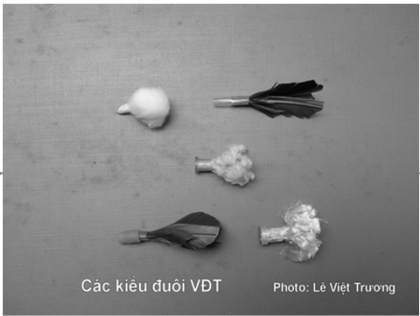
	<p><b>Thuốc mê IV, IM</b></p> <p><b>Ketamine</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Bột tinh thể trắng, tan trong nước (1g/5ml)</b></li> <li>■ <b>Gây mê nhanh với cả đường tiêm bắp, gây ngủ và không làm suy yếu chức năng tim phổi, không làm dẫn cơ</b></li> <li>■ <b>Đạt nồng độ tối đa trong máu sau 10 phút IM, phân bố khắp nơi, nhiều ở não, gan, phổi, mô mỡ; chuyển hóa ở gan, bài thải qua thận cả dạng gốc và chuyển hóa</b></li> <li>■ <b>Chỉ định: kiềm giữ, gây mê ngắn người, động vật hữu nhũ trong trường hợp không cần dẫn cơ</b></li> </ul>

Thuốc mê	<h2 style="margin: 0;">Ketamine</h2>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Chống chỉ định ở con bệnh cao huyết áp, dẫn mạch, tăng áp lực mắt, chảy máu</li> <li>■ Khoảng an toàn rộng; thuốc giải khi quá liều: yohimbine</li> <li>■ Narcotic, barbiturate, chloramphenicol, diazepam dài tác động mê</li> </ul> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;">  </div>

Thuốc mê	<h2 style="margin: 0;">Ketamine</h2>
	<p><b>Chó:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diazepam 0.5mg/kg IV, sau đó ketamine 10mg/kg IV</li> <li>- Xylazine 2.2mg/kg IM, sau 10 phút, ketamine 11mg/kg IM</li> <li>- Atropin 0.044mg/kg, sau 15 phút, xylazine 1.1mg/kg, sau 5 phút ketamine 22 mg/kg IM</li> </ul> <p><b>Mèo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- An thần, cầm cột: 11 mg/kg IM</li> <li>- Gây mê: 22 - 33 mg/kg IM; 2.2 – 4.4 mg/kg IV</li> </ul> <p><b>Thú thí nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thỏ: 35 mg/kg IM/ SC</li> <li>- Chuột: 87 mg/kg IP (với xylazine)</li> <li>- Hamster: 200 mg/kg IP (với xylazine)</li> </ul>

Thuốc mê	<h1>Ketamine</h1> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Trâu bò: 2 mg/kg IV (sau khi dùng atropin và xylazine)</b></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Heo: atropin, sau đó ketamine 11 mg/kg IM, kéo dài mê 2-4 mg/kg IV</b></li> <li>■ <b>Gia cầm, chim:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Ketamine 10-30 mg/kg IM; xylazine 2-6 mg/kg IM</b></li> <li>- <b>Ketamine 10-50 mg/kg IM; diazepam 0.5-2 mg/kg IM</b></li> <li>- <b>Ketamine 25-50 mg/kg IM; acepromazine 2-6 mg/kg IM</b></li> </ul> </li> </ul>

	 <p>Thuốc mê Ketamine      Photo: Lê Việt Trương</p>
	
<p><a href="http://medgadget.com/archives/2007/06/dragon_drug_gun.html">http://medgadget.com/archives/2007/06/dragon_drug_gun.html</a></p>	

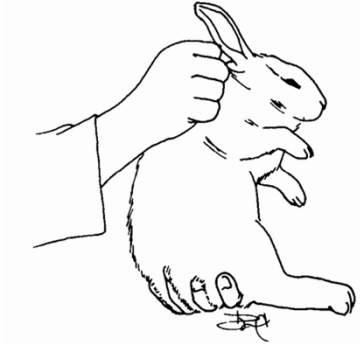




**Thuốc mê**

<http://www.dkimages.com/discover/previews/910/775281.JPG>

	<p><b>Thuốc mê</b></p>	<p><b>Cầm cột, khống chế heo</b></p>
		
<p><a href="http://www.pighealth.com/offers/images/pigcatcher.jpg">www.pighealth.com/offers/images/pigcatcher.jpg</a></p>		

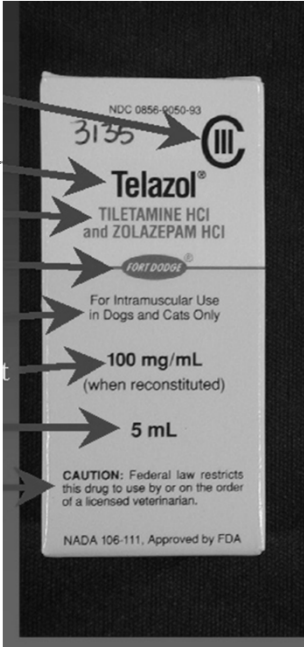
	

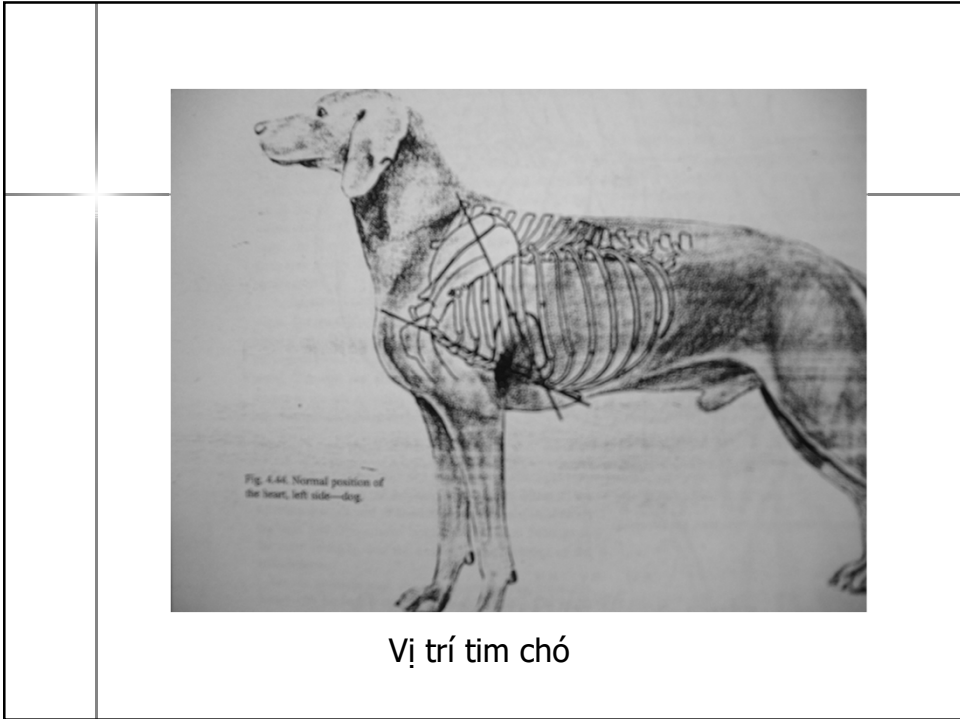


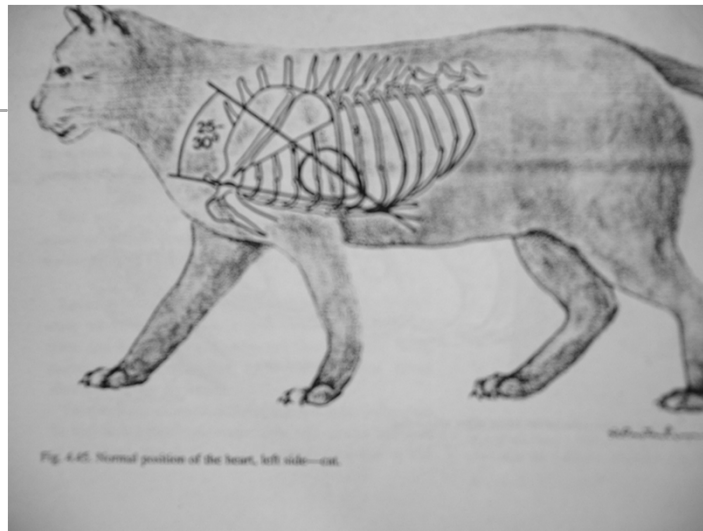
	<p>Thuốc mê</p> <p><b>Tiletamine/ zolazepam (Zoletil)</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Tiletamine: chất gây mê có cấu trúc hóa học gần với ketamine</b></li> <li>■ <b>Zolazepam thuộc nhóm an thần diazepinone</b></li> <li>■ <b>Đặc tính dược lí giống với sự phối hợp ketamine &amp; diazepam</b></li> <li>■ <b>Chỉ định: cầm cột, gây mê ngắn/ trung bình cho chó mèo, ngựa, thú hoang dã</b></li> </ul>

	<p>Thuốc mê</p> <p><b>Tiletamine/ zolazepam (Zoletil)</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Sau khi IM, tác động xuất hiện sau 1-7 phút, thời gian mê khoảng 1/3-1h (3 lần ketamine), hồi phục sau 1-5h</b></li> <li>■ <b>Chống chỉ định: bệnh tim, phổi, tụy, thú mang thai</b></li> <li>■ <b>Tác dụng phụ: giảm hô hấp, xáo trộn tim mạch, chảy nước mắt, mũi, mồ hôi</b></li> <li>■ <b>Chloramphenicol dùng chung gây kéo dài thời gian mê ở mèo</b></li> <li>■ <b>Dùng chung phenothiazine sẽ tăng tác dụng suy giảm hô hấp và tim</b></li> </ul>

	<p><b>Thuốc mê</b></p> <p><b>Tiletamine/ zolazepam (Zoletil)</b></p>
	<p><b>Chó:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Câm cột, gây mê ngắn: 6,6-9,9 mg/kg IM</b></li> <li>- <b>Giải phẫu 30-60 phút: 6-13 mg/kg IM</b></li> </ul> <p><b>Mèo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phẫu thuật răng, abscess, bỏ vật lạ: 9,7-11,9 mg/kg IM</b></li> <li>- <b>Thiến con cái: 14,3 – 15,8 mg/kg IM</b></li> </ul> <p><b>Ngựa: 1.65 – 2.2 mg/kg IM (xylazine 1.1 mg/kg IM, 5 phút trước đó)</b></p>

	<p><b>?cc</b></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Phẫu thuật cho chó 10kg</b></li> <li>■ <b>Gây mê bằng Telazol</b></li> <li>■ <b>Liều dùng 6-13 mg/kg</b></li> <li>■ <b>Lấy bao nhiêu ml thuốc?</b></li> </ul>	





Vị trí tim mèo


## CO<sub>2</sub>, Quyền lợi động vật

- Giết heo/ gà ???
- Thiến heo? ....Mùi heo nọc
  - Skatole
  - Testosterol
- Giải pháp
  - Cấm thiến = chấp nhận thịt có mùi
  - Thiến, có dùng thuốc mê: CO<sub>2</sub> (Hà Lan), isofluran (Thụy sĩ)
  - Vắc xin thiến (Improvac, Pfizer)
  - Chọn giống, thức ăn



1.	<b>THUỐC ỨC CHẾ HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG</b> 1.1. Thuốc mê 1.2. Thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc chống co giật
2.	1.3. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm <b>THUỐC KÍCH THÍCH HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG</b> <b>THUỐC TÁC ĐỘNG TRÊN DÂY THẦN KINH NGOẠI BIÊN</b> <b>THUỐC TÁC DỤNG LÊN HỆ THẦN KINH TỰ TRỊ</b> 4.1. Thuốc kích thích dây thần kinh giao cảm 4.2. Thuốc liệt giao cảm 4.4. Thuốc kích thích phó giao cảm 4.5. Thuốc liệt phó giao cảm

	<h2 style="text-align: center;">Câu hỏi</h2>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Thuốc tiền mê là gì?</li> <li>■ Mục đích của thuốc tiền mê?</li> </ul>


	<p>Thuốc an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Diazepam</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Thuộc nhóm benzodiazepine, gây an thần, giãn cơ, chống co giật</li> <li>■ Hấp thu nhựa nên không chứa trong syringes nhựa, không trộn chung dược chất khác.</li> <li>■ Bảo quản ở nhiệt độ phòng, tránh ánh sáng và đông lạnh</li> </ul>

Thuốc	<p>an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Diazepam</b></p> 
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Hấp thu nhanh PO, chậm hơn nếu IM</li> <li>■ Tan tốt trong lipid, phân bố khắp cơ thể, qua hàng rào máu não</li> <li>■ Chuyển hóa ở gan tạo các chất chuyển hóa còn hoạt tính</li> <li>■ Bài thải qua thận</li> <li>■ Tác dụng phụ: yếu cơ, thay đổi về biểu hiện tâm lý</li> </ul>

	<p>Thuốc an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Diazepam</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Tác dụng gia tăng khi dùng chung cimetidine, erythromycin, isoniazid, ketoconazole, propranolol, valproic acid (chuyển hóa)</li> <li>■ Antacid làm giảm hấp thu PO</li> <li>■ Rifampin làm giảm tác dụng dược lý</li> </ul>

	<p>Thuốc an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Diazepam</b></p>
	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div data-bbox="425 1339 958 1856"> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ <b>Chó:</b></li> <li><b>An thần:</b>     - 0.2 - 0.6 mg/kg IV                       - 0.25 mg/kg PO q8h</li> <li><b>Chống co giật:</b></li> <li>- Do strychnine: 2 - 5 mg/kg IV</li> <li>- Do theophylline: 0.5 - 2.0 mg/kg IV</li> <li>- Do salicylate: 2.5 - 20 mg IV, PO</li> <li><b>Tiền mê:</b> 0.1 mg/kg IV chậm</li> </ul> </div> <div data-bbox="958 1142 1274 1856" style="text-align: right;">   </div> </div> <p><a href="http://www.rch.org.au/cep/media/diazepam/diazkit.jpg">http://www.rch.org.au/cep/media/diazepam/diazkit.jpg</a></p>

Thuốc	<p>an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Diazepam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Mèo</li> <li>- Kích thích thèm ăn: <b>0.05 - 0.4 mg/kg IV, IM, PO.</b></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chống động kinh: <b>0.5 - 1.0 mg/kg IV tăng đến 5 - 10 mg, để có hiệu lực</b></li> <li>■ Bò:</li> <li>- An thần cho bê: <b>0.4 mg/kg IV</b></li> <li>- Chống kích thích, động kinh: <b>0.5 - 1.5 mg/kg IM, IV</b></li> <li>■ Heo</li> <li>- An thần trước khi gây mê với pentobarbital: <b>8.5 mg/kg IM (tối đa 30 minutes; giảm 50% liều pentobarbital</b></li> <li>- Chống kích thích, động kinh: <b>0.5 - 1.5 mg/kg IM, IV</b></li> </ul>

	<p>Thuốc an thần, dẫn cơ</p> <p><b>Xylazine</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Chất đối kháng alpha2-adrenergic</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Chất an thần, gây ngủ, dẫn cơ</li> <li>■ Dùng cho chó mèo, ngựa, nai</li> <li>■ Có thể gây nôn ở mèo (ứng dụng giải độc), chó (ít hơn)</li> <li>■ Bò nhạy cảm (gấp 10 lần chó mèo), gặp rối loạn tim, chảy dãi</li> <li>■ <u>Không dùng cho heo</u></li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div>



Thuốc an thần, dẫn cơ



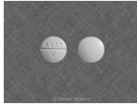
## Xylazine

- Hấp thu nhanh nhưng không hoàn toàn IM
- Tác động xuất hiện sau 1-2 phút IV
- Tác động có thể kéo dài đến 1h
- Chống chỉ định ở thú bệnh tim mạch, phổi, gan, thận, mất nước
- Giải độc quá liều dùng: yohimbine/ tolazoline (phong bế alpha), doxapram (kt hô hấp)

## Xylazine

- Chó: 0,5-2mg/kg, IM, SC
- Mèo: 0,5-2mg/kg, IM, SC
- Bò: 0,05- 0,2 mg/kg, IM
- Ngựa: 0,3- 2,2 mg/kg, IM,IV




	 <h2 data-bbox="743 359 1065 401">Yohimbine &amp; xylazine</h2>
	<p data-bbox="659 541 1240 655"><i>Handbook of Wildlife Chemical Immobilization,</i> - 0.04 mg/kg Carfentanil plus 1 mg/kg Xylazine and a repeated full dose if the animal did not go down in 20 minutes, -100 mg Naltrexone, or Naloxone, per mg of Carfentanil given, plus 0.125 mg/kg Yohimbine to be used as an antagonist. -0.1 mg/kg <u>Etorphine plus 1 mg/kg Xylazine</u> (antagonize with 2 mg <u>Diprenorphine per mg Etorphine given, plus 0.125 mg/kg Yohimbine</u>) - 5 mg/kg Ketamine plus 0.3 mg/kg <u>Medetomidine</u> (antagonize with 1.5 mg/kg Atipamezole).</p>  

	<h2 data-bbox="526 1220 1140 1299">Chặn gần 1 tấn heo thối giả heo rừng lên bàn nhậu</h2> <p data-bbox="526 1316 709 1337">28/04/2016 20:46 GMT+7</p> <p data-bbox="1024 1316 1162 1344"> <a href="#">f</a> <a href="#">g+</a> <a href="#">✉</a> <a href="#">🖨</a> </p>
	<p data-bbox="526 1358 1156 1430"><b>TTO - Gần 1 tấn thịt heo thối giả heo rừng đang chuẩn bị phân phối đến các điểm cung cấp cho quán nhậu, phục vụ khách du lịch bị Công an huyện Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận) ngăn chặn kịp thời.</b></p>  <p data-bbox="537 1816 1122 1839">Số thịt heo nái thối này sắp lên bàn nhậu thì được ngăn chặn kịp thời - Ảnh: TH.TRÍ</p>

	<p>Thuốc an thần</p> <p><b>ACEPROMAZINE MALEATE</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Thuộc nhóm phenothiazine, tan trong nước</li> <li>■ <u>An thần</u> do ức chế dopamine hậu synapse; kiểm soát thân nhiệt, tốc độ chuyển hóa, chống nôn, cân bằng hormon</li> <li>■ Nhóm này còn có tính chất của thuốc đối giao cảm, kháng histamine, chống co thắt và phong bế alpha adrenergic</li> </ul>

Thuốc an thần	<p><b>ACEPROMAZINE MALEATE</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Phân bố tốt nhưng tác động khởi phát chậm (15 phút sau IV); chuyển hóa ở gan; bài thải qua thận cả dạng chuyển hóa (sau 96h, lưu ý ngựa đua) và nguyên thủy</li> <li>■ Chống chỉ định ở con bệnh về tim, phổi, thận, gan, ngộ độc strychnine/ tetanus, thú non</li> </ul>

	<p>Thuốc an thần <b>ACEPROMAZINE MALEATE</b></p> 
	<p><b>Chó</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cầm cột, an thần: 0.025 - 0.2 mg/kg IV; (max.3 mg) hoặc 0.1 - 0.25 mg/kg IM.</b></li> <li>- <b>Tiền mê: 0.1 - 0.2mg/kg IV or IM; (max. 3 mg);</b></li> </ul> <p><b>Mèo: Cầm cột, an thần : 0.05 - 0.1 mg/kg IV, max. 1 mg</b></p> <p><b>Thỏ: an thần: 1 mg/kg IM, tác dụng sau 10 phút và kéo dài 1-2 giờ</b></p> <p><b>Bò, heo: an thần: 0.01 - 0.02 mg/kg IV; 0.03 - 0.1 mg/kg IM; tiền mê (trước 1h): 0.1 mg/kg IM</b></p>

<p>Đọc thêm</p>	<p><b>Thịt heo “ngậm thuốc an thần” cho đẹp và dai !!!</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Prozil fort (acepromazine, atropin)</li> <li>■ Tác hại với con người <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thần kinh (đãng trí, trầm uất, run cơ)</li> <li>– Ung thư</li> </ul> </li> </ul> <p style="text-align: right;">Tạp chí Chăn nuôi Heo, Vol 39, 2012</p>

### Câu hỏi lượng giá

1. Kể tên một số phương pháp vô cảm và các ví dụ thực tế sử dụng trong thú y khoa?
2. Các trường hợp dùng thuốc mê trong thú y khoa, ví dụ trên các đối tượng vật nuôi khác nhau?
3. Cơ chế thuốc mê tác động ức chế thần kinh trung ương ở các giai đoạn mê khác nhau? Biểu hiện quan trọng của từng giai đoạn?
4. Những tai biến gì có thể xảy ra trong khi gây mê? Cách để phòng các tai biến này?
5. So sánh đặc điểm (an thần, giảm đau, gây mê, dẫn cơ) của thiopental, ketamine và halothane?
6. So sánh các đặc điểm ức chế thần kinh của fentanyl, acepromazine, xylazine và diazepam
7. Nêu một số nhược điểm của thiopental sodium? Có thể dùng trong trường hợp nào của thú y khoa?
8. Sử dụng halothane gây mê như thế nào? Các dụng cụ hỗ trợ có thể dùng là gì?
9. Chỉ định và đường cấp ketamine trong thú y? Tại sao nên dùng atropine và diazepam (thuốc tiền mê) trước khi cấp ketamine?
10. Ưu điểm và hạn chế của Zoletil?
11. Chỉ định của diazepam cho từng loài vật nuôi trong thú y khoa?
12. Chỉ định và chống chỉ định của xylazine trong thú y khoa? Lưu ý sự mẫn cảm khác nhau giữa các loài.

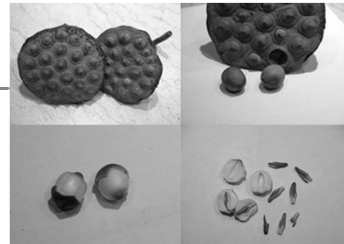
### Dược thảo theo kinh nghiệm dân gian có tác dụng an thần ...



lạc tiên (nhãn lồng),



trinh nữ (mắc cỡ),



tâm sen (lá mầm hạt sen),



lá vông nem

<http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn/ttyh/bshkhkt/sdthuocanthangayngu.htm>